

Bản án số: 143/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 15/9/2023

Về việc “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Sỹ Tiến

Ông Nguyễn Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Ông Khuất Cao Hoàng – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên toà: Bà Lương Ngọc Tú - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 554/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2023, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 220/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Việt C, sinh năm 1978

Địa chỉ: 5 C đường L, phường T, TP ., tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Vắng mặt - Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1979 (Mất tích)

Nơi cư trú cuối cùng: 53/201 C đường L, phường T, TP ., tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai việc, nguyên đơn – Ông Lê Việt C trình bày:

Ông Lê Việt C và bà Trần Thị H sau thời gian tìm hiểu thì tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A1, TP ., tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu vào ngày 07/5/2023 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc và có 01 con chung. Đến năm 2017, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, hai bên đã cố gắng hòa hợp nhưng không được và bà H bỏ nhà đi từ năm 2017. Sau khi bà H bỏ

đi, ông C đã đi tìm kiếm nhiều nơi, về cả quê bà H nhưng không có tin tức gì nên ông C đã làm thủ tục yêu cầu tuyên bố bà H mất tích. Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu ban hành Quyết định số: 06/2023/QĐDS-ST ngày 07/7/2023, tuyên bố mất tích đối với bà Trần Thị H. Nay ông C yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Trần Thị H.

Về con chung: Ông Lê Việt C xác nhận, ông C và bà Trần Thị H có 01 con chung là Lê Minh A, sinh ngày: 25/02/2004, đã trưởng thành nên ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Lê Việt C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn – Bà Trần Thị H:

Tại Quyết định số: 06/2023/QĐDS-ST ngày 07/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu ban hành, tuyên bố bà Trần Thị H, sinh năm 1979 mất tích. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại Công an phường T, TP., kết quả: Hiện bà Trần Thị H không có mặt tại địa chỉ: 5 C đường L, phường T, TP., tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, không có tin tức và không xác định được địa chỉ nơi đến của bà H. Tòa án đã niêm yết đầy đủ giấy triệu tập, các văn bản tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng của bà Trần Thị H trước khi mất tích.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu cho rằng:

- Về trình tự, thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Lê Việt C khởi kiện bà Trần Thị H về việc “Ly hôn”. Bị đơn – bà Trần Thị H mất tích, nhưng có nơi cư trú cuối cùng tại địa chỉ: 5 C đường L, phường T, TP., tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên xác định đây là vụ án Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa thì thấy: Ông Lê Việt C và bà Trần Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm. Ông C vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bà Trần Thị H vắng mặt không lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Việt C và bà Trần Thị H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Ông **Lê Việt C** và bà **Trần Thị H** đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A1, TP ., tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu vào ngày 07/5/2023 trên cơ sở tự nguyện nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, ông **Lê Việt C** và bà **Trần Thị H** phát sinh mâu thuẫn là có thật, điều này thể hiện qua lời trình bày của ông **C** và việc bà **H** đã bỏ nhà đi từ năm 2017.

Xét yêu cầu ly hôn của ông **Lê Việt C** thì thấy:

- Tại Quyết định số: 06/2023/QĐDS-ST ngày 07/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu ban hành, tuyên bố bà **Trần Thị H**, sinh năm 1979 mất tích. Tòa án đã tiến hành xác minh tại Công an phường T, TP ., xác định hiện bà **Trần Thị H** không có mặt tại địa phương, không có tin tức và không xác định được địa chỉ nơi đến của bà **H**.

- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết giấy triệu tập, các văn bản tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng của bà **Trần Thị H** trước khi mất tích để nếu có tin tức, bà **H** sẽ đến Tòa thì Tòa án tổ chức hòa giải tạo điều kiện cho ông **C** và bà **H** giải quyết mâu thuẫn để đoàn tụ gia đình, nhưng không đạt kết quả.

Như vậy, thời gian bà **H** bỏ đi đã lâu, hiện không có tin tức nên khả năng hàn gắn tình cảm giữa ông **C** và bà **H** là không thể, mục đích hôn nhân không đạt nên ông **C** yêu cầu ly hôn với bà **H** là có cơ sở. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 68 Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông **Lê Việt C** đối với bà **Trần Thị H**.

[2.2] Về con chung: Ông **Lê Việt C** và bà **Trần Thị H** có 01 con chung là **Lê Minh A**, sinh ngày: 25/02/2004, đã trưởng thành. Ông **C** không yêu cầu gì nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông **Lê Việt C** không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông **Lê Việt C** phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 40, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 68 Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Lê Việt C**.

- Về hôn nhân: Ông **Lê Việt C** được ly hôn với bà **Trần Thị H**.

- *Về con chung*: Ông **Lê Việt C** và bà **Trần Thị H** có 01 con chung là **Lê Minh A**, sinh ngày: 25/02/2004, đã trưởng thành. Ông **C** không yêu cầu nên không xem xét.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông **Lê Việt C** không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Ông **Lê Việt C** phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000963 ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu. Ông **Lê Việt C** đã nộp xong tiền án phí.

- *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh BRVT;
- VKSND TP Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TPVT;
- Các đương sự;
- UBND Phường 1, TP.Vũng Tàu, Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Lưu hồ sơ;

Nguyễn Văn Kiên